Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 27.11.2026 16:16:43 +07:00

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /2026/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức và khi thay đổi vị trí việc làm đối với công chức

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn việc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức và khi thay đổi vị trí việc làm đối với công chức.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về việc xếp lương đối với:

a) Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Công chức khi thay đổi vị trí việc làm và được xếp lương ở ngạch tương ứng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức và công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

b) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận, quản lý, bố trí vị trí việc làm, xếp ngạch, xếp lương công chức và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức

1. Người được tuyển dụng, tiếp nhận làm công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch công chức nào thì được xếp hưởng mức lương khởi điểm của ngạch đó (trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều này).

2. Người được tuyển dụng vào làm công chức đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn), được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác đó được tính để xem xét, quyết định xếp vào bậc lương phù hợp ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng.

3. Người được tiếp nhận vào làm công chức có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn), làm công việc phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tiếp nhận thì thời gian công tác đó được tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tiếp nhận.

4. Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thì không được tính để làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

5. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận căn cứ thời gian công tác của người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận để xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức.

6. Người được tiếp nhận vào làm công chức theo chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng thì việc xếp lương được thực hiện theo quy định riêng của pháp luật về thu hút, trọng dụng người có tài năng.

Điều 3. Xếp lương đối với người trước thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức đang xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định

Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP mà trước thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận đang xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP (viết tắt là các bảng lương do Nhà nước quy định) thì được xếp lương như sau:

1. Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì căn cứ vào hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng để xếp vào hệ số lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới:

a) Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung thì căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp cũ để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới. Thời gian hưởng lương ở vị trí việc làm mới được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau được xác định như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương mới được xếp và hệ số lương đang hưởng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa hai bậc lương liền kề ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực; nếu chênh lệch này nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa hai bậc lương liền kề ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp hiện giữ.

b) Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung mà tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng bằng hoặc nhỏ hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới thì

xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới. Thời gian hưởng lương ở vị trí việc làm mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực.

c) Trường hợp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng chênh lệch giữa tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng và hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch công chức được xếp. Thời gian hưởng lương mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch mới được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực.

Hệ số chênh lệch bảo lưu tại điểm c này (tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) được hưởng trong suốt thời gian công chức xếp lương ở ngạch mới. Sau đó, nếu công chức tiếp tục được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào ngạch khác khi thay đổi vị trí việc làm và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở ngạch mới.

2. Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ với ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ:

a) Trường hợp ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có cùng hệ số lương với ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì xếp ngang bậc lương và tỷ lệ phần trăm phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực; thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ.

b) Trường hợp ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương ở cùng bậc cao hơn hệ số lương ở cùng bậc của ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì căn cứ vào hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch công chức mới. Thời gian hưởng lương mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau thực hiện như hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương ở cùng bậc thấp hơn hệ số lương ở cùng bậc của ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì xếp ngang bậc lương và tỷ lệ phần trăm phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng sang ngạch công chức mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được thực hiện như hướng dẫn tại khoản 1 Điều này. Thời gian hưởng lương mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau thực hiện như hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ:

Tính từ bậc lương đã giữ ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp thấp hơn ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ (hoặc từ bậc 1 trong trường hợp chưa từng giữ ngạch hoặc bậc nghề nghiệp thấp hơn) và thời gian đã giữ ngạch hoặc bậc nghề nghiệp cao hơn được tính để xếp bậc lương cao hơn. Sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp xếp lương ngạch chuyên viên chính và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch cán sự và tương đương hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp xếp lương ngạch nhân viên và tương đương, được xếp lên 1 bậc lương; đồng thời được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được thực hiện như hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày quyết định tuyển dụng, tiếp nhận có hiệu lực. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương trong ngạch công chức được xếp của vị trí việc làm, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với công chức xếp lương ngạch chuyên viên chính và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch cán sự và tương đương) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với công chức xếp lương ngạch nhân viên và tương đương) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong ngạch công chức mới đó.

Điều 4. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức từ lực lượng vũ trang, cơ yếu

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang đang xếp lương theo cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm và người làm công tác cơ yếu đang xếp lương theo cấp hàm cơ yếu khi được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức thì việc xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thực

hiện theo khoản 6 Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 79/2005/TT-BNV).

2. Quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an và người làm công tác cơ yếu đang xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu khi được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức thì việc xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thực hiện theo khoản 7 Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV.

Điều 5. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức đã từng được xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định, nhưng tại thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức không xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định

1. Đối với người đã có thời gian xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định, tại thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức không xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định; có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn) phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 20 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP (không bao gồm các trường hợp quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư này) thì được xếp lương theo Điều này.

2. Căn cứ vào bậc lương, hệ số lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đã hưởng ở ngạch hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm tại thời điểm cuối cùng được xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định, thực hiện việc chuyển xếp vào bậc lương mới theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư này để xác định bậc lương, hệ số lương làm căn cứ ban đầu ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

3. Xác định thời gian công tác được tính để xếp lương:

a) Thời gian công tác sau thời điểm cuối cùng được xếp lương quy định tại khoản 2 Điều này được tính để xếp lương khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp thời gian công tác không liên tục thì các khoảng thời gian đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản này được cộng dồn theo quy định tại

khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP.

c) Thời gian công tác đã được sử dụng để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chế độ, chính sách khác mà pháp luật quy định không được tính trùng thì không được cộng dồn để xếp lương.

4. Quy đổi thời gian công tác thành bậc lương và xác định thời gian xét nâng bậc lương lần sau:

a) Căn cứ tổng thời gian công tác được tính để xếp lương theo khoản 3 Điều này, cứ đủ 36 tháng đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức ở ngạch công chức có vị trí việc làm xếp lương từ ngạch cán sự và tương đương trở lên hoặc đủ 24 tháng đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức ở ngạch công chức có vị trí việc làm xếp lương ngạch nhân viên và tương đương thì được tính tương ứng 01 bậc lương.

b) Căn cứ bậc lương, hệ số lương làm căn cứ ban đầu quy định tại khoản 2 Điều này và số bậc lương tăng thêm được xác định theo điểm a khoản này để xác định bậc lương được xếp ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

c) Thời gian công tác còn lại chưa đủ 36 tháng (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này thuộc ngạch công chức có vị trí việc làm xếp lương từ ngạch cán sự và tương đương trở lên) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với trường hợp thuộc ngạch công chức có vị trí việc làm xếp lương ngạch nhân viên và tương đương) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong ngạch công chức mới đó.

Điều 6. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức chưa xếp lương theo các bảng lương do Nhà nước quy định

Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư này thì việc xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

1. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương có yêu cầu về thời gian kinh nghiệm công tác:

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, sau khi trừ số thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng với số thời gian kinh nghiệm công tác theo quy định của vị trí việc làm tuyển dụng, thời gian còn lại làm căn cứ để xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận như sau: Tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) được xếp lên 1 bậc lương. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương:

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận, tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch cán sự và tương đương; tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên và tương đương, được xếp lên 1 bậc lương. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên và tương đương) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Điều 7. Xếp lương công chức khi thay đổi vị trí việc làm

1. Xếp lương đối với trường hợp công chức được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP như sau:

a) Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ thì căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới. Thời gian hưởng lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới được tính kể

từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành.

Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới được tính như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới so với hệ số lương đang hưởng ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa hai bậc lương liền kề ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ, thì được tính kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa hai bậc lương liền kề ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ, thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

b) Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ, thì căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới. Thời gian hưởng lương ở vị trí việc làm mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành.

c) Trường hợp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới, thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm cũ. Thời gian hưởng lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới được tính kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành.

Hệ số chênh lệch bảo lưu tại điểm c này (tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) được hưởng trong suốt thời gian công chức xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới. Sau đó, nếu công chức tiếp tục được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào ngạch được bổ nhiệm, bố trí và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở ngạch mới.

2. Xếp lương đối với trường hợp công chức được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc chuyên môn, nghiệp vụ với ngạch hiện giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP, như sau:

a) Trường hợp ngạch hiện giữ và ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có cùng hệ số lương thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch hiện giữ. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm mới có hiệu lực; thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

b) Trường hợp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương cùng bậc cao hơn ngạch hiện giữ thì thực hiện như cách xếp lương đối với trường hợp được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương cùng bậc thấp hơn ngạch hiện giữ thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch hiện giữ sang ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được thực hiện như hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều này. Thời gian hưởng lương mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau thực hiện như hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Xếp lương đối với trường hợp công chức được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP, như sau:

a) Đối với trường hợp công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngạch công chức của vị trí việc làm theo kết quả theo dõi, đánh giá thường xuyên hoặc xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ theo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP, như sau:

Căn cứ bậc lương đã hưởng ở ngạch công chức thấp hơn hoặc từ bậc 1 của ngạch công chức thấp hơn đối với trường hợp chưa từng giữ ngạch công chức thấp hơn, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp xếp lương ngạch cán sự và tương đương trở lên hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp xếp lương ngạch nhân viên và tương đương, được xếp lên 1 bậc lương.

Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương trong ngạch công chức được xếp của vị trí việc làm, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với công chức xếp lương ngạch cán sự và tương đương trở lên) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với công chức xếp lương ngạch nhân viên và tương đương) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong ngạch công chức mới đó.

b) Đối với trường hợp công chức có đơn tự nguyện thay đổi vị trí việc làm và được cấp có thẩm quyền đồng ý quy định tại điểm b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 300/2026/NĐ-CP thì xếp lương theo quy định tại điểm a khoản này và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành.

Thời gian hưởng lương ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) ở ngạch mới được tính kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, bố trí vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Trường hợp quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức hoặc quyết định bổ nhiệm, bố trí công chức vào vị trí việc làm mới được ban hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xếp lương được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Không áp dụng quy định về xếp lương tại Thông tư này đối với trường hợp công chức được xét chuyển ngạch theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư và các quy định sau đây hết hiệu lực:

a) Thông tư số 01/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức;

b) Các quy định về xếp lương đối với công chức tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

6. Các cơ quan quản lý công chức quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, cơ quan sử dụng công chức và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Khương